TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2021
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ninh

Ông Thái Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 527/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Hoài T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ 19, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

Bị đơn: Chị Hồ Thị Cẩm G, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ 19, ấp X 1, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phạm Hoài T trình bày: Anh cùng vợ là chị Hồ Thị Cẩm G chung sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Phạm Hồ N, sinh ngày 21-02-2008 hiện đang sống với chị G.

Vợ chồng chung sống không tài sản chung và nợ chung.

Vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn nên không có hạnh phúc, do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp dẫn đến thường xuyên gây gỗ. Mặt khác do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ anh đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống và vợ chồng ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Vợ chồng không gặp lại để hàn gắn gia đình, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau và cũng không ai có thiện chí hàn gắn gia đình, hiện tình cảm vợ chồng không còn.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với vợ anh là chị G. Về con chung anh đồng ý giao con cho vợ anh được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Hồ Thị Cẩm G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thu thập được ý kiến chị G đối với yêu cầu của anh T.

Người làm chứng bà Lê Thị Trúc L là mẹ chị G trình bày: Vợ chồng chị G chung sống có 01 con chung tên Phạm Hồ N, sinh ngày 21-02-2008, hiện đang chung sống với chị G. Từ năm năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bà không rõ. Năm 2015 chị G đi xuất khẩu lao động đến năm 2019 thì quay về sống cùng ông bà và nuôi con. Theo bà, chị G đồng ý ly hôn với anh T nhưng do bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc được. Về con chung chị G yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung chị G không yêu cầu giải quyết.

Qua làm việc, cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T với chị G. Về con chung: Giao con cho chị G nuôi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính dáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: anh T và chị G chung sống với nhau vào năm 2007, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh năm 2007, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh T có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: anh T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không phù hợp tính tình, thường xuyên cãi vã và do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Vợ chồng ly thân từ năm 2009 cho đến nay và không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị G nhưng qua làm việc với mẹ chị G là bà Lê Thị Trúc L cho thấy phần lớn mâu thuẫn giữa anh chị qua lời trình bày của anh T phù hợp với lời trình bày của bà L. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị G là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Cả anh T và mẹ chị G đều trình bày thống nhất anh chị có 01 con chung cháu Phạm Hồ N sinh ngày 21-02-2008, đồng thời thống nhất giao cháu N cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, để bảo đảm cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu N, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cho chị G được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào chi G có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[2.4] Về án phí: anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Hoài T đối với chị Hồ Thị Cẩm G. Anh T được ly hôn với chị G.

2/. Về con chung: Giao chị Hồ Thị Cẩm G được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Hồ N, sinh ngày 21-02-2008. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quuyết. Khi nào chị G có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4/. Về án phí: anh T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012346 ngày 14-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- UBND xã Long V, huyện Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Quỳnh